

Bản án số: **408/2024/HC-PT**

Ngày: 25-10-2024

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Lê Văn Thường.**

- **Các Thẩm phán:** Ông **Nguyễn Văn Tào.**

Ông **Phạm Văn Hợp.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đoàn Thị Thu Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 177/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1977/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

Chị **Bùi Thị Mỹ H1**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **C N, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên**; vắng mặt.

Ông **Đặng Văn K**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư **Trần Thị Như T** và Luật sư **Trần Ngọc Q - Văn phòng L**, thuộc **đoàn luật sư tỉnh P**; vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Quốc T1
- Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh P; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T1 - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H2 - Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1941. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Đặng Văn K1, sinh năm 1966 và bà Võ Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị Xuân T2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

8. Ông Diệp Thành H3, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

9. Anh Đặng Đại V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (con của ông K) ; vắng mặt.

10. Anh Đặng Đại P, sinh năm 1990 (con của ông Đặng K). Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện bà Đặng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện bà **Đặng Thị H** (do người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Hộ gia đình bà **Đặng Thị H** bị nhà nước thu hồi đất, các tài sản khác trên đất đối với diện tích 30,6m² do ảnh hưởng dự án: Cải tạo nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên**.

Bà **H** và các hộ dân bị ảnh hưởng dự án được **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** tổ chức hội thảo để đưa ra phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Tại buổi hội thảo, các cơ quan chức năng đưa ra phương án:

- Đối với diện tích đất ở, có sổ đỏ thì được bồi thường với giá 12.099.000 đồng/m².
- Đối với diện tích đất vườn, ngoài sổ đỏ thì được bồi thường với giá 3.750.000 đồng (50% của 7.500.000 đồng);

Qua nhiều lần hội thảo, **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** đã vận động bà và các hộ dân bị ảnh hưởng nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với đất vườn là 3.750.000 đồng/m². Vì nếu bây giờ bà và các hộ bị ảnh hưởng không nhận theo mức giá này thì có thể mức giá này sẽ giảm và còn cam kết những hộ nào nhận sau chỉ có nhận mức bằng hoặc thấp hơn chứ không có tình trạng hộ sau nhận cao hơn hộ trước với bất cứ lý do gì. Nếu có trường hợp nào nhận tiền bồi thường, hỗ trợ cao hơn thì bà được nhận bổ sung đối với mức tiền chênh lệch.

Bà **H** và các hộ bị ảnh hưởng được vận động nhiều lần nên đã tiên phong nhận bồi thường, hỗ trợ với mức giá 3.750.000 đồng/m² theo chính sách, chủ trương của nhà nước đưa ra.

Phần diện tích này nhà nước thu hồi được lập phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án theo Quyết định chi trả tiền số 6078/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của **UBND huyện P**.

Bà **Đặng Thị H** được bồi thường đất với giá 3.750.000 đồng (50% của mức 7.500.000 đồng). Tương ứng với 30,6m² là 114.750.000 đồng.

Những hộ không chịu hợp tác ở giai đoạn đầu lại được **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** giải quyết theo phương án bồi thường, hỗ trợ giá đất vườn hơn 8.000.000 đồng/m², chênh lệch rất nhiều so với mức giá đã giải quyết ở giai đoạn đầu.

Bà **H** và các hộ dân bị ảnh hưởng dự án đã nhận tiền ở giai đoạn đầu, khiếu nại đến **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** về việc yêu cầu giải quyết đền bù bổ sung.

Ngày 22/9/2021 bà và các hộ dân nhận được giấy mời của **UBND huyện P** mời giải quyết khiếu nại vào ngày 24/9/2021. Tại buổi làm việc cán bộ hứa hẹn sẽ giải quyết nhưng không giải quyết. Đến nay bà chưa được **UBND huyện P** khiếu nại.

Như vậy việc **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** đưa ra nhiều mức bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất vườn bị thu hồi do ảnh hưởng dự án Cải tạo, nâng cấp **Quốc lộ B** là không đúng. Bà **H** được nhận mức bồi thường thấp hơn (bằng 1/2) mức bồi thường của những hộ nhận sau, là làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6078/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của **UBND huyện P** “Về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua **xã H - Đ**)”.

- Hủy Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của **UBND huyện P** “V/v Thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua xã H - Đ);
- Hủy một phần Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của **UBND huyện P** “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (đoạn qua xã H - Đ)” đối với phần bà **Đặng Thị H**.
- Buộc **UBND huyện P** bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 30,6m² với mức giá 12.099.000 đồng/m² theo bảng giá bồi thường đất ở của **UBND tỉnh P**. Nếu không được bồi thường theo giá đất ở, thì bồi thường diện tích đất ở vượt hạn mức và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.
- Tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật.

*Người bị kiện **UBND huyện P** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P** thống nhất trình bày:*

Thửa đất số 738, tờ bản đồ số 4 do **công ty TNHH K2** đo đạc với diện tích: 149,7m².

Theo Thông báo thu hồi đất số 539/TB-UBND ngày 29/5/2020 của **UBND huyện P** về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên**. Nội dung thông báo Thu hồi đất của bà **Đặng Thị H** tại số thửa 221b tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 30,6m².

Tại Công văn số 665/UBND ngày 01/10/2020 của **UBND xã H** xác nhận hộ bà **Đặng Thị H, Lê Thị S, Đặng Văn K1, Phạm Thị Thu X** đang sử dụng đất tại số thửa 221, tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 218,5m², loại đất BHK, trong đó diện tích bà **H** đang sử dụng là 30,6m².

Trên cơ sở đó, **UBND huyện P** lập và trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật và đã được **UBND huyện P** phê duyệt tại các quyết định sau:

+ Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của **UBND huyện P** về việc Thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua xã H - Đ). Nội dung bà **Đặng Thị H** bị thu hồi đất tại số thửa 221, tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 30,6m², loại đất BHK.

+ Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua xã H - Đ). Nội dung bà **Đặng Thị H** được bồi thường đất và tài sản trên đất với số tiền 140.765.177 đồng.

Việc bà **Đặng Thị H** yêu cầu **UBND huyện P** bồi thường, hỗ trợ bổ sung với mức giá là 12.099.000đ/m² đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi 30,6m² số tiền

phải bồi thường thêm là 255.479.400 đồng và tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật là không có cơ sở theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã H, huyện P trình bày: Thống nhất nội dung, quan điểm giải quyết của UBND huyện P.

+ Ông Đặng Văn K trình bày: Thống nhất nội dung, yêu cầu của bà Đặng Thị H.

+ Bà Lê Thị S, ông Diệp Thành H3, anh Đặng Đại V, anh Đặng Đại P, vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không có nội dung trình bày.

Bản án hành chính sơ thẩm số 72/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6078/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện P “Về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ)”.
- Hủy Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P “V/v Thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ);
- Hủy một phần Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ)” đối với phần bà Đặng Thị H.
- Buộc UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 30,6m² với mức giá là 12.099.000 đồng/m² theo bảng giá bồi thường đất ở của UBND tỉnh P.
- Tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật.

Ngày 08/12/2023 bà Đặng Thị H kháng cáo không chấp nhận toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị bác kháng cáo của bà Hương và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị H; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Về nguồn gốc diện tích đất: Theo Bản đồ đo đạc năm 1993 thì diện tích đất bà H đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 221, có tổng diện tích 745m². Đối

chiều sổ mục kê lập năm 1998 (tại trang số 119) thì thửa đất 221 thể hiện “tên sử dụng đất”: **Đặng T3** (cha của bà **H**) với diện tích 200m² đất thổ; Quy hoạch thổ cư với diện tích 145m² và Quy hoạch giao thông với diện tích 400m². Khi thực hiện dự án, trên thửa đất này có 04 hộ đang sử dụng là **Đặng Thị H**, **Lê Thị S**, **Đặng Văn K1**, **Phạm Thị Xuân T2**. Diện tích thu hồi thửa 221, tờ bản đồ số 303A là 218,5m², trong đó phần diện tích bà **H** đang sử dụng bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng là 30,6m².

[1.2] Thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B đoạn qua xã H, huyện P**. Ủy ban nhân dân tỉnh **P** ban hành Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 “*V/v Phê duyệt giá đất cụ thể (Phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, đoạn qua xã H và thị trấn P, huyện P*”.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện bà **H** thống nhất diện tích đất bị thu hồi dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua xã **H** - đọt 5) là 30,6m² và thống nhất về tài sản, công trình, cây trồng bị ảnh hưởng dự án cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên** (Đoạn qua xã **H**- đọt 5) theo Biên bản kiểm kê ngày 16/9/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**.

[1.4] Theo biên bản kiểm kê ngày 16/09/2020 thể hiện: Đất vườn cùng thửa đất có nhà ở với diện tích 30,6m², thửa đất số 221, tờ bản đồ số 303A. Tại thời điểm kiểm kê bà **H** có mặt, ký vào biên bản và không có ý kiến khiếu nại gì. Ngày 14/12/2020 **UBND huyện P** ban hành Quyết định số 6044/QĐ-UBND thu hồi 30,6m² đất của bà **H** tại thửa số 221, tờ bản đồ số 303A và ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 6034/QĐ-UBND nên bà **H** được bồi thường, hỗ trợ 140.765.177 đồng.

[1.5] Ngày 22/12/2020 bà **Đặng Thị H** đã ký nhận số tiền trên, đồng thời có cam đoan như sau “*Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ và xin cam đoan giải tòa đúng thời gian quy định là 20 ngày đối với cây cối hoa màu, nhà ở vật kiến trúc, mồ mả và không được xây dựng, sản xuất hoa màu, trồng cây kể từ khi nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị ảnh hưởng công trình nêu trên. Đồng thời mọi khiếu nại sau này có liên quan đến khối lượng tài sản, mồ mả, đất đai được bồi thường mà tôi nhận tiền, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*”.

[1.6] Khoản 2 Điều 74 Luật đất đai quy định “2. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Ngày 20/12/2019 **UBND tỉnh P** ban hành Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND “*Về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020 – 2024)*”, theo đó vị trí diện tích đất bà **H** đang khiếu kiện thuộc vị trí 1, **D** từ ranh giới

thành phố T đến phía Đông Dự án **A** (thuộc phía Nam **Quốc lộ B**), đến nhà ông **Q1** (thuộc phía Bắc **Quốc lộ B**).

[1.7] Khoản 2 Điều 25 Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh P quy định “a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở nhưng không được công nhận là đất ở thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất vườn, ao còn được hỗ trợ bằng tiền như sau:

- Diện tích được hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND Tỉnh hiện hành.

- Mức hỗ trợ được tính bằng 50% giá đất ở cùng vị trí với thửa đất vườn, ao bị thu hồi theo giá đất trong Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh hiện hành.”

[1.9] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà **H** là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà **H** không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà **H** và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì bà **H** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 114 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 25 của Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh P “V/v Phê duyệt giá đất cụ thể (Phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, đoạn qua xã H và thị trấn P, huyện P”; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà **Đặng Thị H** và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 72/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

- Hủy Quyết định số 6078/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện P “Về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ)”.

- Hủy Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P “V/v Thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ);
- Hủy một phần Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P “V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ)” đối với phần bà Đặng Thị H.
- Buộc UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 30,6m² với mức giá là 12.099.000 đồng/m² theo bảng giá bồi thường đất ở của UBND tỉnh P.
- Tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000364 ngày 09/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên, bà Đặng Thị H đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường